

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên tổ chức niêm yết: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM**

Tên viết tắt: **VINARE**

Năm báo cáo: **2009**

I- LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG:

1. Những sự kiện quan trọng:

- Công ty Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam được thành lập năm 1994 theo Quyết định số 920TC/QĐ/TCCB ngày 27/9/1994 của Bộ Tài chính, được phép hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 100104 ngày 06/10/1994. Công ty Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1/1/1995.
- Theo Quyết định số 3089/QĐ-BTC ngày 10/10/2003 của Bộ Tài chính về việc cổ phần hóa Công ty Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam, trong năm 2004 Công ty đã thực hiện cổ phần hóa thành công. Ngày 15/11/2004 Bộ Tài Chính đã chính thức cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho Tổng Công ty cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam số 28GP/KDBH. Tổng Công ty cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2005. Là doanh nghiệp cổ phần, trong đó vốn Nhà nước chiếm tỷ lệ chi phối (56,5%), VINARE hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật kinh doanh Bảo hiểm và các quy định khác có liên quan.
- Vốn điều lệ của Tổng Công ty cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam là 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng chẵn), trong đó vốn điều lệ đã góp tại thời điểm thành lập là 343.000.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi ba tỷ đồng chẵn). Cơ cấu vốn góp của Tổng Công ty như sau: Vốn Nhà nước: 56,5%; Vốn góp của các cổ đông chiến lược: 40,5%; Vốn góp của các cổ đông thể nhân: 3%.
- Thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty ngày 27/12/2005 về việc đăng ký giao dịch cổ phiếu, Tổng Công ty cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam đã thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam đã chính thức niêm yết giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 13/3/2006.
- Thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 về việc phát hành cổ phần bổ sung vốn năm 2007, đến 24/9/2007, Tổng công ty đã hoàn thành việc phát hành tăng vốn giai đoạn I. Vốn điều lệ thực góp đến 31/12/2007 là 504.138.300.000 đồng. Giai đoạn II của đợt phát hành (bán cổ phần cho đối tác chiến lược đã hoàn tất ngày 30/1/2008). VINARE đã chọn được đối tác chiến lược nước ngoài duy nhất là Tập đoàn tái bảo hiểm Swiss Re – tập đoàn tái bảo hiểm số 1 thế giới. Tổng số vốn điều lệ thực góp sau khi kết thúc đợt phát hành là 672.184.400.000 đồng với cơ cấu như sau: Vốn Nhà nước: 40,36%; Vốn góp của các cổ đông chiến lược trong nước: 29,09 % ;Vốn góp của cổ đông chiến lược nước ngoài (Swiss Re): 25%. Vốn góp của các cổ đông khác: 5,55%.
- Toàn bộ cổ phiếu tăng vốn của VNR đã được giao dịch chính thức tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 13/3/2008.

2. Quá trình phát triển:

➤ **Lĩnh vực kinh doanh của VINARE:**

- Kinh doanh nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và nhân thọ trên thị trường trong và ngoài nước.
- Đầu tư tài chính vào các lĩnh vực trái phiếu Chính phủ, trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp, góp vốn vào các doanh nghiệp khác, kinh doanh bất động sản và các hoạt động đầu tư khác theo luật định.

➤ **Tình hình hoạt động:**

Một số chỉ tiêu kinh doanh chính giai đoạn 2005 - 2009:

Đơn vị: tỷ VND

	2005	2006	2007	2008	2009	Tăng trưởng bình quân (%)
Doanh thu phí nhận	824,8	782,8	912,4	1.088	1.114	8,27
Doanh thu phí giữ lại	172,2	158,1	208,7	313	338	20,21
Doanh thu hoạt động đầu tư và hoạt động khác	47,1	53,9	57,5	211,5	224,5	72,53
Kết dư dự phòng nghiệp vụ	203,3	235,7	289,5	402,2	456,8	22,64
Vốn điều lệ	343	343	504	672,2	672,2	
Tổng tài sản	877,5	874,7	1.215,2	2.723,8	3.047,9	
Lợi tức trước thuế	56,1	71,5	83,7	205,1	232,7	50,50
Lợi nhuận sau thuế	42,6	60,4	73,0	159,6	194,7	
ROA (%)	4,86	6,91	6,01	5,86	6,39	
ROE (%)	12,02	14,63	11,90	8,37	9,79	
EPS (VND)			1.873	2.352	2.898	

3. Định hướng phát triển của Tổng Công ty:

3.1. Mục tiêu chiến lược:

- Trở thành nhà đứng đầu nhận tái bảo hiểm tại Việt Nam và khu vực; nhà đầu tư chuyên nghiệp.
- Trung tâm trao đổi dịch vụ tái bảo hiểm của thị trường; cung cấp cho khách hàng các dịch vụ gia tăng giá trị với sự đảm bảo cần thiết trên cơ sở phát huy giá trị cốt lõi của Tổng công ty.
- Tập trung khả năng sinh lời và tối ưu hoá lợi tức, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.
- Một doanh nghiệp có trách nhiệm cộng đồng

3.2 Nhiệm vụ chính giai đoạn 2010 - 2015:

3.2.1. Nhiệm vụ:

- Tổ chức bộ máy: Tái cấu trúc bộ máy theo hướng chuyên môn hoá, vận hành có hiệu quả từ khâu thu thập thông tin, phân tích/nhận định/đánh giá, ra quyết định, tổ chức thực hiện, kiểm soát, điều chỉnh mục tiêu, giải pháp, quyết định.
- Chức năng, lĩnh vực hoạt động: Trung thành với chức năng chính đã được hoạch định, tập trung nâng cao năng lực cốt lõi:
 - Kinh doanh tái bảo hiểm: trở thành nhà đứng đầu nhận tái bảo hiểm trong nước.

- Trung tâm trao đổi dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ và hợp tác mọi mặt đối với thị trường bảo hiểm Việt nam. Đẩy mạnh quan hệ hợp tác, trao đổi dịch vụ trên phạm vi toàn cầu.
- Đầu tư theo luật định: trở thành nhà đầu tư chuyên nghiệp.
- Xếp hạng doanh nghiệp: được tổ chức xếp hạng có uy tín trên thế giới xếp hạng.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể về kết quả hoạt động giai đoạn 2010 - 2015:

- Doanh thu Phí nhận Tái bảo hiểm: tăng trưởng 12 - 15%
- Phí giữ lại: tăng trưởng 15 -17%
- Tỷ lệ combined ratio: dưới 95%
- Chỉ tiêu ROE: 10 - 12%

II- BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:

1.1 Tình hình chung :

* Thuận lợi:

- Tăng trưởng GDP đạt 5,32%, nhu cầu bảo hiểm của nền kinh tế xã hội tiếp tục tăng cao. Các doanh nghiệp bảo hiểm (đặc biệt là các doanh nghiệp bảo hiểm lớn) tiếp tục cho ra đời nhiều sản phẩm bảo hiểm hữu ích, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu bảo hiểm đa dạng của nền kinh tế - xã hội. Quy trình khai thác, giám định, thanh toán bồi thường ngày càng được chú trọng và cải tiến, nhằm đáp ứng lợi ích và các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Thị trường bảo hiểm Việt Nam tiếp tục phát triển mạnh: doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 25.510 tỷ VND, tăng 20% so với năm 2008. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 13.661 tỷ VND, tăng trưởng 24,7% so với năm 2008.
- Hợp tác chiến lược giữa Swiss Re và Vinare với các mục tiêu, chương trình hành động hết sức cụ thể, bước đầu tạo điều kiện từng bước cải thiện/nâng cao năng lực cạnh tranh của Vinare.
- Hợp tác của VINARE với các cổ đông, với các công ty bảo hiểm trong nước tiếp tục phát triển, đã có sự chuyển biến cơ bản về chất lượng hợp tác, coi trọng hiệu quả kinh doanh. Đặc biệt là sự hợp tác giữa VINARE với các công ty bảo hiểm lớn và truyền thống của thị trường trong lĩnh vực tái bảo hiểm như Bảo Việt, Bảo Minh, PJICO, SVI ... và các công ty có vốn góp của VINARE.
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Vinare là những cán bộ có trình độ, kinh nghiệm và tâm huyết với hoạt động của Vinare. Phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với Ban điều hành, định hướng, chỉ đạo sâu sát, kịp thời mọi hoạt động của Vinare. Đội ngũ cán bộ Vinare ngày càng trưởng thành và tiến bộ theo thời gian.

* Khó khăn:

- Khó khăn trong việc thu xếp tái bảo hiểm do cạnh tranh phí, điều kiện bảo hiểm của các công ty trong nước, do cạnh tranh về dịch vụ với các nhà bảo hiểm/môi giới tái bảo hiểm nước ngoài.
- Một số doanh nghiệp BH gốc chú trọng mục tiêu nâng thị phần, coi nhẹ mục tiêu hiệu quả và phát triển bền vững, coi nhẹ việc hợp tác trong kinh doanh dịch vụ, ảnh hưởng chung đến thị trường.
- Tồn thất vẫn có chiều hướng gia tăng (do thiên tai, lạm phát, cạnh tranh ...), giảm cánh kéo lợi tức hoạt động nghiệp vụ.
- Môi trường đầu tư còn tiềm ẩn nhiều rủi ro

- Vấn đề thanh toán bằng ngoại tệ: chênh lệch tỷ giá áp dụng tính phí và tỷ giá có thể mua bán được trên thị trường và nguồn cung ngoại tệ để thanh toán phí tái bảo hiểm hoặc bồi thường bảo hiểm tiếp tục gặp khó khăn trong năm 2009
- Khủng hoảng toàn cầu buộc các nhà nhận tái bảo hiểm nước ngoài thận trọng hơn trong vấn đề nhận tái bảo hiểm với điều kiện ngặt nghèo và chi phí cao.

1.2. Tình hình tài chính năm 2009:

- Tổng giá trị tài sản: 3.047,964 tỷ VNĐ, trong đó:
 - Nợ phải trả: 1.058,592 tỷ VNĐ (Dự phòng nghiệp vụ: 456,828 tỷ VNĐ)
- Lợi nhuận sau thuế: 194,799 tỷ VNĐ

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Tổng công ty đã hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch HĐQT giao. Một số chỉ tiêu chính như sau:

- Doanh thu phí nhận TBH: 1.114.374.317.574 VND, tăng 8,09% so với KH và tăng 2,41 % so với năm 2008;
- Doanh thu hoạt động tài chính: 224.569.980.205 VND tăng 21,39% so với KH và tăng hơn 6% so với năm 2008;
- Lợi nhuận trước thuế: 232.793.330.742 VND, tăng 10,86% so với KH và tăng 13,51% so với năm 2008;
- Các chỉ tiêu khác như trích lập bổ sung các quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm đều vượt so với kế hoạch.

3. Triển vọng và kế hoạch 2010:

3.1 Những nhân tố ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh VINARE 2010:

- Dự báo các chỉ tiêu chủ yếu của nền kinh tế Việt Nam năm 2010: Kinh tế Việt Nam năm 2010 được nhận định tiếp tục khó khăn trong bối cảnh được đánh giá vừa qua khủng hoảng, suy thoái. Mặc dù vậy, Chính phủ vẫn quyết tâm thực hiện được một số chỉ tiêu cơ bản sau:
 - Tốc độ tăng trưởng GDP Khoảng 6,5%
 - Giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp và xây dựng Tăng 7%
 - Tổng kim ngạch xuất khẩu Tăng 6%
 - Chỉ số giá tiêu dùng Tăng dưới 7%
 - Dự kiến vốn FDI năm 2010 sẽ đạt khoảng 22 - 25 tỷ USD. Vốn ODA đã được các nhà tài trợ xác nhận trong năm 2010 là 8 tỷ USD.
- Tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm Phi nhân thọ ước tính vẫn duy trì ở mức cao trên 20%. Trong đó, tỷ trọng các dịch vụ có tái bảo hiểm chỉ tăng trưởng khoảng 12 - 15%.
- Cạnh tranh tiếp tục diễn ra quyết liệt ở tất cả các dịch vụ bảo hiểm. Hiệu quả kinh doanh nghiệp vụ thấp, số lượng các doanh nghiệp bảo hiểm lỗ nghiệp vụ sẽ tăng lên (do chi phí khai thác, bồi thường tăng trong điều kiện giá phí giảm và điều kiện bảo hiểm mở rộng).
- Cục Quản lý và Giám sát Bảo hiểm sẽ ban hành nhiều giải pháp, chính sách tạo điều kiện quản lý và định hướng, giám sát thị trường bảo hiểm Việt Nam phát triển.
- Các nhà nhận tái bảo hiểm quốc tế thắt chặt điều kiện nhận tái bảo hiểm do hệ quả của việc kinh doanh nghiệp vụ thua lỗ và dự trữ tài chính suy giảm bởi ảnh hưởng của khủng hoảng toàn cầu.

- Môi trường đầu tư còn tiềm ẩn nhiều rủi ro.

3.2 Chủ trương lớn về hoạt động kinh doanh của VINARE trong năm 2009:

- Tiếp tục thực hiện chủ trương không chạy theo doanh thu, kiểm soát chặt chẽ dịch vụ nhận tái bảo hiểm, thận trọng trong thu xếp nhượng tái bảo hiểm, đảm bảo an toàn - hiệu quả kinh doanh.
- Trong lĩnh vực đầu tư, tiếp tục thực hiện chủ trương An toàn - Hiệu quả - Phát triển bền vững trên cơ sở thiết lập danh mục đầu tư an toàn, bền vững, hiệu quả sinh lời cao.
- Tiếp tục triển khai, từng bước thực hiện các mục tiêu hợp tác kỹ thuật đã ký kết giữa VINARE và Swiss Re trong các lĩnh vực: nâng cao khả năng cung cấp sản phẩm, nâng cao năng lực quản lý, củng cố tiềm lực tài chính và năng lực bảo hiểm, xây dựng hệ thống IT, nâng cao khả năng đầu tư.
- Từng bước mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, khai thác dịch vụ nước ngoài, thực hiện triệt để các cam kết đã ký với Swiss Re.

3.3 Kế hoạch kinh doanh 2009: (xem phần Báo cáo của Ban giám đốc)

III- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1- Báo cáo tình hình tài chính

1.1. Khả năng sinh lời:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2009	Năm 2008
1-Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
-Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	33,39	31,70
-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	27,94	24,66
2-Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
-Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	7,64	7,53
-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6,39	5,86
3-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	9,79	8,37

1.2. Khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2009	Năm 2008
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,88	3,35
Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,58	3,33
Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần	-	-
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	3,63	4,64

1.3. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009: 29.378VND/cổ phiếu

1.4. Các cổ đông chính và tỷ lệ cổ phần nắm giữ: Đến ngày 31/12/2009

SCIC	40,36%	271.313.000.000	40,36%	271.313.000.000
Swiss Re	25,00%	168.046.100.000	25,00%	168.046.100.000
Các cổ đông khác	34,64%	232.825.300.000	34,64%	232.825.300.000
Tổng cộng	100%	672.184.400.000	100%	672.184.400.000

1.5. Cơ cấu cổ phiếu: Đến ngày 26/3/2010 (Thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ V)

- Tổng số cổ phiếu: 67.218.440 cổ phiếu, trong đó:
 - + CP phổ thông chuyển nhượng tự do: 16.741.530 cổ phiếu
 - + CP phổ thông chuyển nhượng có điều kiện: 50.476.910 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 67.218.440 cổ phiếu, trong đó:
 - + CP phổ thông chuyển nhượng tự do: 16.741.530 cổ phiếu
 - + CP phổ thông chuyển nhượng có điều kiện: 50.476.910 cổ phiếu

1.6. Cổ tức: cổ tức năm 2009 là 18%/năm (tạm chia theo quyết định của HĐQT)

2- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 của Tổng Công ty

2.1. Một số chỉ tiêu chính:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	% so với KH	% so với 2008
Phí nhận tái bảo hiểm	1.114,374	108,09	102,41
Phí giữ lại	338,018	102,42	107,89
Bồi thường thuộc TN giữ lại (bao gồm cả bổ sung DPBT)	182,378		105,71
Bổ sung quỹ dự phòng Nvụ	54,608	78,76	48,45
Lợi nhuận trước thuế	232,793	110,81	113,50
Lợi nhuận sau thuế	194,799		122,09

2.2. Phân tích một số chỉ tiêu chủ yếu:

2.2.1. Kinh doanh nhận - nhượng tái bảo hiểm:

- a. Thu phí nhận TBH năm 2009:** Đạt 1.114 tỷ đồng, tăng 2,41% so với năm trước. Nguyên nhân chính là do:
- Doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ của toàn thị trường bảo hiểm Việt Nam tăng khá mạnh, khoảng 24%; trong đó doanh thu các dịch vụ có tái bảo hiểm tăng trưởng ước khoảng 10 - 12%.

- Doanh thu phí dịch vụ bảo hiểm hàng không giảm tới 156 tỷ đồng so với năm trước. Nguyên nhân là do năm 2009, Vinare chỉ thu xếp phần giữ lại của mình và các công ty bảo hiểm trong nước. Doanh số sản phẩm bảo hiểm vệ tinh sụt giảm.
- Hợp tác giữa các công ty bảo hiểm gốc với Vinare được tăng cường trên cơ sở trao đổi dịch vụ và đôi bên cùng có lợi và tôn trọng cam kết giữa Vinare và cổ đông sáng lập về trao đổi dịch vụ.
- Tiếp tục phát huy vai trò tư vấn cho các công ty bảo hiểm gốc toàn diện trong tất cả các lĩnh vực: thu xếp nhận/nhượng dịch vụ có tính cạnh tranh quốc tế đảm bảo quyền lợi của khách hàng và công ty gốc; cung cấp thông tin, khai thác, đánh giá/quản lý rủi ro, giải quyết bồi thường, đề phòng hạn chế tổn thất, ... Vinare đã trở thành người đứng đầu nhận tái bảo hiểm trong một số dịch vụ.
- VINARE tăng cường kiểm soát rủi ro nhận tái bảo hiểm. Từ chối nhận nhiều dịch vụ có giá phí và các điều kiện bảo hiểm không phù hợp nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả trong kinh doanh trong điều kiện phải cạnh tranh thu xếp tái bảo hiểm với các nhà TBH/môi giới TBH nước ngoài.
- Hầu hết các doanh nghiệp bảo hiểm gốc đều nâng mức giữ lại, lượng dịch vụ chuyển tái cho Vinare không tăng tương xứng với tốc độ tăng trưởng doanh thu các dịch vụ có tái bảo hiểm.
- Phí nhận từ thị trường nước ngoài đạt hơn 54 tỷ đồng so với 32,5 tỷ năm 2008.

b. Phí giữ lại năm 2009: đạt 338 tỷ đồng, tăng 7,89% so với năm 2008

- Do khả năng tài chính được tăng cường, tất cả các nghiệp vụ đều tăng mức giữ lại theo hướng tối ưu hoá mức giữ lại và phù hợp với khả năng tài chính.

c. Bồi thường:

- Chi bồi thường nhận TBH: 444 tỷ VND, bằng 92,4% so với năm trước.
- Thu bồi thường nhượng TBH: 289,8 tỷ VND, bằng 79,2% so với năm trước
- Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại (bao gồm cả bổ sung dự phòng bồi thường): 182,4 tỷ VND, tăng 5,7% so với năm trước. Tỷ lệ bồi thường /Phí giữ lại: 53,95%, so với năm 2008 là 55,19%.
- Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại trong năm tài chính 2009 tăng so với năm 2008 và cao hơn dự kiến kế hoạch là do:
 - + Xu hướng tổn thất và tỷ lệ tổn thất trên phí giữ lại gia tăng (do cạnh tranh, phí giảm, điều kiện bảo hiểm mở rộng, công tác giám định trước khi cấp đơn của công ty bảo hiểm gốc chưa được chú trọng, tỷ lệ lạm phát tăng cao, ...).
 - + Ảnh hưởng của thiên tai, đặc biệt là đối với nghiệp vụ tài sản.

2.2.2. Công tác đầu tư tài chính:

***/Cơ cấu sử dụng vốn đầu tư theo danh mục đến 31/12/2009** (không bao gồm tiền gửi tại tài khoản thanh toán): Tổng số 2.370 tỷ VND.

Đơn vị: tỷ VND

Danh mục đầu tư	Số tiền (31/12/2009)	Tỷ trọng (%)	ROI (%)
1. Tiền gửi	1.497,9	63,2	10,5
2. Trái phiếu, công trái	415,4	17,5	9,0
3. Góp vốn cổ phần	391,0	16,5	5,3
4. Chứng khoán	19,8	0,8	
5. BĐS/Cho thuê VP	32,9	1,4	37,5

6. Cho vay & đầu tư khác	13,0	0,5	
Tổng vốn đầu tư của thị trường	13,5		
BH phi nhân thọ			

Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính và cho thuê diện tích năm 2009 của VINARE đạt 224 tỷ VND, tăng gấp 21,3% so với kế hoạch HĐQT giao. Đến thời điểm 31/12/2009, 100% số tiền nhận rồi trong hoạt động đầu tư đều được đảm bảo an toàn, không có thất thoát hoặc công nợ khó đòi.

***/ Gửi tiền tại các tổ chức tín dụng:**

- Danh mục đầu tư tiền gửi đến 31/12/2009 đạt 1.498 tỷ VND, chiếm 63,2% tổng vốn đầu tư. Mức lãi suất tiền gửi bình quân VND đã đạt được là 10,82%, ngoại tệ là 4,86%/năm so với mức 13,5% đối với VND và 5,4%/năm đối với ngoại tệ năm 2008.

***/ Mua bán và thực hiện Repo (mua bán kỳ hạn) trái phiếu chính phủ:**

- Năm 2009, thị trường trái phiếu có những diễn biến không thuận lợi. Với chính sách duy trì lãi suất cơ bản 7% kéo dài trong gần hết năm 2009, hầu hết các đợt đấu thầu trái phiếu Chính phủ luôn có lãi suất trần thấp hơn lãi suất bỏ thầu, do vậy hầu hết các đợt đấu thầu đều không thành công mặc dù nhu cầu phát hành trái phiếu rất lớn.
- Do mặt bằng lãi suất trái phiếu thấp, không hấp dẫn nên đã ảnh hưởng đến kế hoạch giải ngân vào trái phiếu của Vinare. Năm 2009 đầu tư tăng thêm vào danh mục trái phiếu 184 tỷ /235 tỷ đồng kế hoạch 2009, tỷ lệ giải ngân đạt 78%. Vinare chủ yếu đầu tư trái phiếu trên thị trường thứ cấp với lợi suất trái phiếu đạt được từ 9,2 - 9,9%/năm.

***/ Góp vốn cổ phần vào các doanh nghiệp khác:**

- Tổng số tiền góp vốn cổ phần đến 31/12/2009 đạt 391 tỷ VND, chiếm tỷ trọng 16,5% tổng nguồn huy động đầu tư thực tế. Năm 2009, tổng số tiền góp vốn bổ sung vào các doanh nghiệp đạt 74,3 tỷ VND (bao gồm: bảo hiểm Samsung Vina 55,8 tỷ VND; Chứng khoán Đại Nam 550 triệu VND và VINARE Invest 18 tỷ VND). Tổng số 7/10 đơn vị góp vốn đã thực hiện thông báo chia cổ tức trong năm 2009 với số tiền thu được là 14,576 tỷ VND.
- Phần lớn các doanh nghiệp có vốn góp của Vinare đều có kết quả tích cực. .

Danh mục góp vốn vào các doanh nghiệp khác đến 31/12/2009 như sau:

ST T	Đơn vị góp vốn	Tổng vốn đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP sở hữu	Cổ tức 2009
1	Cty bảo hiểm PJICO	29.867.910.000	8,76	2.942.136	3.236.349.600
2	Cty bảo hiểm PTI	27.832.000.000	7,06	2.116.800	2.545.315.068
3	KS Sài Gòn- Hạ Long	6.000.000.000	6,00	600.000	528.000.000
4	Samsung - Vina Insurance	94.233.499.999	50,00	9.423.350	6.370.170.075
5	Cty bảo hiểm GIC	17.600.000.000	5,87	1.760.000	
6	Cty bảo hiểm Bảo Tín	8.000.000.000	10,00	800.000	
7	Công ty bảo hiểm ABIC	32.000.000.000	8,65	3.200.000	640.000.000
8	Cty ch/khoán Đại Nam	2.450.000.000	4,90	245.000	206.500.000

9	Tiên Phong Bank	125.000.000.000	12,50	12.500.000	
10	Cty bảo hiểm HVI	30.000.000.000	10,00	3.000.000	1.050.000.000
11	Vinare Invest	18.000.000.000	60,00	1.800.000	
	Tổng cộng	390.983.409.999		38.387.286	14.576.334.743

***/ Cho thuê văn phòng:**

- Hiệu suất sử dụng diện tích cho thuê năm 2009 đạt bình quân 84,8% với giá thuê bình quân đạt 16,1 USD/m²/tháng, so với mức hiệu suất 97% và giá thuê bình quân đạt 14,7 USD/m²/tháng của năm 2008 (chưa bao gồm thuế VAT).
- Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng năm 2009 đạt 12,55 tỷ VND, đạt hơn 100% kế hoạch.

***/ Giao dịch chứng khoán:**

- Tổng giá trị đầu tư chứng khoán đến 31/12/2009 là 19,86 tỷ VND.
- Theo giá thị trường tại thời điểm 31/12/09, danh mục đầu tư chứng khoán đã được trích dự phòng giảm giá chứng khoán năm 2009 là 8,1 tỷ VND.
- Danh mục đầu tư chứng khoán đến 31/12/2009:

TT	Công ty	Mã CK	Số lượng CP	Giá trị đầu tư
1	Chứng chỉ Quỹ VF4	VF4	32.000	329.600.000
2	Công ty CP Đại lý Liên hiệp vận chuyển	GMD	22.150	3.025.745.500
3	Công ty CP Tài chính Dầu khí	PVF	40.000	2.760.000.000
4	Tổng công ty CP Bảo Minh	BMI	24.000	1.615.428.500
5	Công ty CP Thiết bị Bưu điện	POT	56	1.853.500
6	Ngân hàng CP Ngoại thương VN	VCB	67.697	7.188.315.100
7	Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	VOSCO	70.000	1.386.000.000
8	Tổng công ty CP Bảo hiểm Dầu khí	PVI	142.300	3.543.350.000
	Tổng giá trị đầu tư			19.850.292.600

***/ Triển khai thành lập công ty đầu tư Vinare:**

Hoàn tất việc thành lập Vinare Invest với số vốn góp lần 1 là 30% vốn điều lệ. Từng bước ổn định tổ chức, đã tham gia đầu tư thứ cấp 01 dự án, số tiền 14,5 tỷ VND. Lợi suất thấp nhất đạt 30%/năm nếu thoái vốn thời điểm đáo hạn 12 tháng.

3- Những tiến bộ Tổng Công ty đã đạt được:

- Thành lập Hội đồng đầu tư và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đầu tư.
- Đã ban hành “Mô tả công việc” cho khối nghiệp vụ
- Ban hành mới quy chế họp, báo cáo giao ban, lập kế hoạch công tác và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác.
- Ban hành mới “Bản hướng dẫn khai thác dịch vụ tạm thời” đối với nghiệp vụ kỹ thuật, tài sản.

- Đánh giá hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin của VINARE và phối hợp lựa chọn, đánh giá, triển khai hệ thống quản lý tái bảo hiểm tổng thể của VINARE. Đã lựa chọn nhà tư vấn giải pháp phần mềm IT.
- Tổ chức hội thảo nghiệp vụ Kỹ thuật, Trách nhiệm cho thị trường.
- Phối hợp với Swiss Re thực hiện một số nội dung về đào tạo cán bộ, nâng cao năng lực cạnh tranh của VINARE trong các lĩnh vực: năng lực sản phẩm, năng lực khai thác, năng lực quản lý, năng lực đầu tư, tin học.

4- Kế hoạch kinh doanh và các giải pháp thực hiện kế hoạch 2010.

4.1. Kế hoạch kinh doanh năm 2010 (đã được HĐQT phê duyệt):

- Tổng doanh thu phí nhận: 1.120 tỷ đồng (tăng 0,5 % so với năm 2009)
- Doanh thu hoạt động tài chính: 235 tỷ đồng (tăng 4,9% so với năm 2009)
- Lợi tức trước thuế: 245 tỷ đồng (tăng 5,6% so với năm 2009)

4.2. Nhiệm vụ trọng tâm - Các giải pháp nhằm thực hiện kế hoạch năm 2010:

4.2.1. Nhiệm vụ trọng tâm:

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2010
- Tập trung triển khai, từng bước hiện thực hoá các mục tiêu đề án chiến lược phát triển 2010 - 2015 và đến 2020
- Tập trung triển khai, thực hiện các mục tiêu hợp tác chiến lược với Swiss Re nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Vinare
- Phối kết hợp với Swiss Re tham gia đề án thí điểm Bảo hiểm nông nghiệp và tín dụng xuất khẩu do Bộ Tài chính chủ trì
- Tổ chức hội nghị TBH, các hội thảo, chương trình đào tạo riêng cho Vinare và chương trình đào tạo/tổng kết phối hợp với các công ty gốc
- Đánh giá chương trình TBH 2010 và xây dựng chương trình TBH 2011. Xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2011

4.2.2. Giải pháp về tổ chức bộ máy:

- Kế thừa và từng bước tái cấu trúc tổ chức bộ máy theo hướng chuyên môn hoá, bám sát chức năng hoạt động, điều hành tập trung trên cơ sở phân cấp, đảm bảo hiệu quả và kiểm soát hữu hiệu.
- Nghiên cứu tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ cho phù hợp với thực tế hoạt động và quy định

4.2.3. Giải pháp phát triển nguồn lực:

- Tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ theo phương châm: Hiểu biết - Sáng tạo - Tận tụy - Trung thành.
- Hoạch định chính sách đào tạo, xây dựng đội ngũ nhân lực dài hạn, gắn với mục tiêu phát triển chung.
- Đặc biệt chú trọng đào tạo nhân sự chuyên gia tính toán, định phí và marketing, đánh giá rủi ro.
- Thực thi việc phân cấp/phân quyền đến từng chức danh cán bộ dựa trên bản mô tả công việc. Áp dụng hệ thống đánh giá ghi nhận cán bộ kèm theo các chính sách khuyến khích, động viên.
- Đảm bảo các chính sách đãi ngộ đội ngũ cán bộ mang tính dài hạn trong một môi trường văn hoá kinh doanh lành mạnh.

4.2.4. Lĩnh vực kinh doanh tái bảo hiểm:

a. Thị trường mục tiêu: Tập trung khai thác nhận, trao đổi dịch vụ tại thị trường Việt Nam. Từng bước nâng tầm khai thác dịch vụ trên phạm vi toàn cầu.

b. Sản phẩm/nghiệp vụ mục tiêu:

Thị trường bảo hiểm Phi nhân thọ

- Tập trung khai thác các nghiệp vụ/sản phẩm bảo hiểm truyền thống: tài sản, kỹ thuật, hàng hải (hàng hóa xuất nhập khẩu, Hull, PI).
- Tập trung nguồn nhân lực để nâng cao khả năng cung cấp các phẩm bảo hiểm mới.
- Tập trung nâng cao khả năng đánh giá / kiểm soát chất lượng dịch vụ nhận tái bảo hiểm, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Thị trường bảo hiểm nhân thọ: tập trung nguồn lực để sẵn sàng hợp tác, tư vấn và chia sẻ dịch vụ với các công ty bảo hiểm gốc.

c. Nhượng tái bảo hiểm: Tiếp tục chính sách nhận/nhượng dịch vụ đã hoạch định trong giai đoạn 2005-2009. Cụ thể là:

- Tối ưu hoá mức giữ lại, phù hợp với khả năng tài chính
- Trao đổi dịch vụ với cổ đông, các công ty trong nước nhằm tăng phần giữ lại một cách có hiệu quả .
- Trao đổi dịch vụ với các đối tác nước ngoài.

d. Đẩy mạnh hoạt động marketing - Phát triển kênh phân phối

- Tập trung đào tạo kỹ năng marketing cho đội ngũ cán bộ. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho hoạt động này , sẵn sàng cho việc tái cấu trúc bộ máy theo hướng chuyên môn hóa.
- Thiết lập một kế hoạch, chiến lược marketing tổng thể và chi tiết kế hoạch hành động cụ thể.
- Chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực về con người và cơ sở vật chất kỹ thuật để triển khai phát triển các kênh phân phối mới về khai thác/chia sẻ dịch vụ bảo hiểm, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn.

e. Thiết lập hệ thống các công cụ quản lý và đánh giá rủi ro nhận/nhượng tái bảo hiểm

- Xây dựng và triển khai các hướng dẫn khai thác áp dụng cho từng nghiệp vụ (Underwriting Guidelines) phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thích ứng với thị trường.
- Thiết lập và áp dụng các công cụ định giá dịch vụ tạm thời và hợp đồng tỷ lệ (Pricing Tool) tiên tiến.

g. Chính sách khách hàng

- Tôn trọng nguyên tắc hợp tác kinh doanh bền vững, hướng tới tương lai.
- Chính sách khách hàng phải đảm bảo các mục tiêu: mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng dựa trên giá trị cốt lõi của VINARE, đảm bảo nguyên tắc “win-win”
- Củng cố quan hệ hợp tác toàn diện giữa VINARE và khách hàng. Đặc biệt chú trọng quan hệ với Swiss Re và các cổ đông, các công ty bảo hiểm gốc VINARE có vốn góp.
- Thiết lập hệ thống dữ liệu khách hàng và phân tích dữ liệu.
- Thiết lập các chuẩn mực chung và cụ thể hóa chính sách khách hàng/đối với từng khách hàng, thực hiện đúng các chuẩn dịch vụ đó cam kết toàn diện trên các lĩnh vực:
 - Trao đổi dịch vụ nhận/nhượng tái bảo hiểm.

- Tư vấn hỗ trợ đánh giá, kiểm soát rủi ro, thiết lập chương trình tái bảo hiểm hiệu quả, mang tính cạnh tranh cao.
- Hỗ trợ, hợp tác về đào tạo và cung cấp thông tin.
- Cung cấp sản phẩm bảo hiểm/tái bảo hiểm.

4.2.5. Lĩnh vực vốn, quản trị vốn: xây dựng lộ trình tăng vốn và các giải pháp tăng vốn thích hợp trình HĐQT và ĐHĐCĐ theo chiến lược phát triển đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng vốn trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và hiệu quả sinh lời của dòng vốn. Đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Tăng cường khả năng tài chính của VINARE, nâng cao vị thế của VINARE trong nước và quốc tế, nhằm thu hút dịch vụ nhận Tái bảo hiểm trong và ngoài nước, nâng phần giữ lại (của VINARE và thị trường).
- Tăng khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực tái bảo hiểm trong điều kiện hội nhập.
- Cung ứng vốn cho nhu cầu phát triển hoạt động đầu tư, ưu tiên các dự án đầu tư có quan hệ mật thiết với lĩnh vực kinh doanh tái bảo hiểm.
- Tập trung vào quản trị vốn- chi phí .Tăng lợi nhuận hoạt động và tỷ suất sinh lời.

4.2.6. Hoạt động đầu tư:

- Tập trung vào quản lý vốn và khả năng sinh lời dựa trên một cơ cấu danh mục đầu tư hiệu quả và bền vững và linh hoạt.
- Tổ chức lại hoạt động đầu tư theo hướng chuyên môn hóa.
- Ban hành hệ thống các công cụ kiểm soát rủi ro trong hoạt động đầu tư.
- Chú trọng phát triển đội ngũ nhân sự cho hoạt động đầu tư.
- Xem xét, triển khai hoạt động thuê ngoài đối với hoạt động đầu tư để tận dụng cơ hội và nâng cao hiệu quả đầu tư.

4.2.7. Công nghệ thông tin: Triển khai hệ thống quản lý tái bảo hiểm tiêu chuẩn quốc tế đảm bảo:

- Hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh của VINARE;
- Đòn bẩy để áp dụng các phương thức quản lý, khai thác, mở rộng kênh phân phối tái bảo hiểm tiên tiến.
- Ứng dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến, đảm bảo tính hoạt động ổn định và khả năng kế thừa, phát triển trong tương lai.
- Xây dựng đội ngũ quản trị đủ mạnh cho công nghệ tin học.

4.2.8. Phát triển thương hiệu: Tập trung hướng tới khách hàng, thông qua việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao, thỏa mãn nhu cầu khách hàng và được khách hàng tin cậy.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH: xin xem Phụ lục đính kèm

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty Kiểm toán Deloitte

2. Ý kiến kiểm toán độc lập:

Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 sẽ tăng 8.009.310.605 VND và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2009 sẽ giảm một khoản tương ứng. Ban Tổng giám đốc Tổng công ty tin tưởng việc áp dụng theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC và đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

3. Vấn đề cần lưu ý:

- Thuế nhà thầu phí tái bảo hiểm ra nước ngoài: Theo công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26/12/2008 của liên Bộ Tài chính và Tổng Cục Thuế về việc chính sách thuế đối với phí Tái bảo hiểm ra nước ngoài thì các công ty bảo hiểm tại Việt Nam thực hiện nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài đối với các dịch vụ bảo hiểm cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam thì công ty ở nước ngoài nhận tái bảo hiểm thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu (thuế thu nhập doanh nghiệp) với tỷ lệ là 2% tính trên phí tái bảo hiểm ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 01/11/2005. Tuy nhiên, do Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam (đại diện cho các công ty bảo hiểm) đang tiến hành làm việc với Bộ Tài chính và Tổng Cục Thuế để xác định căn cứ tính thuế nhà thầu phải nộp theo quy định tại công văn số 15861/BTC-TCT nêu trên nên Tổng công ty chưa có cơ sở để tính thuế nhà thầu phải nộp. Việc xác định số thuế phải nộp của Tổng công ty sẽ căn cứ và tùy thuộc vào quyết định cuối cùng của Bộ Tài chính và Tổng Cục Thuế. Số thuế nhà thầu đã tạm tính cho năm 2009 là 7.533.708.665 đồng.
- Trích lập dự phòng dao động lớn: Ngày 28 tháng 09 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Hiện tại, theo Nghị định 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 03 năm 2007, các doanh nghiệp bảo hiểm phải trích lập dự phòng dao động lớn và do Bộ Tài chính chưa có thông tư hướng dẫn chi tiết việc áp dụng Chuẩn mực kế toán trên nên Tổng công ty vẫn trích lập dự phòng dao động lớn cho năm 2009 là thận trọng hơn các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19. Ảnh hưởng của Chuẩn mực này đến báo cáo tài chính của Tổng công ty sẽ phụ thuộc vào các văn bản hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành sau này.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

1. Đầu tư vào công ty con:

- Tên công ty: Công ty đầu tư Vinare Invest
- Giấy phép kinh doanh: 0103034106 cấp ngày 25/12/2008
- Vốn điều lệ: 100 tỷ VND
- Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2009: 30 tỷ VND
- Lĩnh vực hoạt động:
 - + Kinh doanh bất động sản và dịch vụ bất động sản
 - + Kinh doanh các dịch vụ tài chính
 - + Các ngành nghề, dịch vụ khác mà pháp luật không cấm và HĐQT thấy có lợi nhất cho Công ty
- Tỷ lệ góp vốn của Vinare: 60% vốn điều lệ, tương đương 60.000.000.000 VND. (Số vốn thực góp tại thời điểm 31/12/2009 là 18 tỷ VND)
- Các cổ đông chính: Vinare (60%), Tiên Phong Bank (10%), Sudico (10%), Công ty CP BĐS Phú Lộc (10%), các cổ đông khác (10%)
- Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh 2009: Vinare Invest chính thức bắt đầu hoạt động từ 1/10/2009, kỳ kế toán năm đầu bắt đầu từ 1/10/2009 đến 31/12/2010.

2. Góp vốn vào công ty liên doanh:

- Tên công ty: Công ty liên doanh Bảo hiểm Samsung Vina
- Giấy phép đầu tư: số 20/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 30/08/2002
- Vốn điều lệ: 188.466.999.998 VND
- Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2009: 188.466.999.998 VND
- Lĩnh vực hoạt động: cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ (bao gồm cả tái bảo hiểm) và đầu tư tài chính theo luật định.
- Tỷ lệ góp vốn của Vinare: 50% vốn điều lệ, tương đương 94.233.499.999 đồng
- Đối tác liên doanh: Công ty bảo hiểm Cháy và Hàng hải Sam Sung, Hàn Quốc
- Một số chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 (theo báo cáo tài chính đã kiểm toán):
 - + Tổng tài sản: 402.772.322.362 VND
 - + Kết dư quỹ dự phòng nghiệp vụ: 49.792.381.013 VND
 - + Lợi nhuận trước thuế: 30.658.295.443 VND
 - + Lợi nhuận sau thuế: 24.804.927.655 VND

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

1- Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty:

VINARE là công ty cổ phần, hoạt động theo Luật doanh nghiệp năm 2005, Luật kinh doanh bảo hiểm, điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Mô hình tổ chức của Tổng Công ty (xin xem sơ đồ tổ chức).

2- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

2.1. Ông Phạm Công Tử

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc .
- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 7/5/1963
- Nơi sinh: thị trấn Ngô Đồng - Giao Thủy - Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: 113 Tổ 44, Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: 04. 3942 2365
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.
- Quá trình công tác:
 - Từ 1986 - 1987: Chuyên viên phòng Kế hoạch Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam.
 - Từ 1987 - 1994: Chuyên viên phòng Kế toán Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam.
 - Từ 1994 - 1997: Phụ trách phòng - Trưởng phòng Tài vụ kế toán Công ty Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.
 - Từ 1997 - 2000: Kế toán trưởng Công ty Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.
 - Từ 2000 - 12/2004: Phó Giám đốc Công ty Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.
 - Từ 01/2005 đến nay: Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Tổng Công ty cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: Cổ đông đại diện phần vốn Nhà nước nắm giữ 10% vốn điều lệ - 6.721.844 cổ phần.
- Số cổ phiếu thể nhân do cá nhân ông Phạm Công Tứ nắm giữ: 142.230 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Bà Đinh Thu Trang (vợ) nắm giữ 10.650 cổ phiếu
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

2.2. Ông Lê Hoài Nam

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/02/1971
- Nơi sinh: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 11 ngõ 30 - Lý Nam Đế - Hà Nội.
- Điện thoại: 04. 3942 2365
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Kỹ sư tin học
- Học vị: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 05/1993 - 11/1994: Công tác tại FPT với vị trí kỹ sư phần mềm.
 - Từ 1994 đến nay: Công tác tại Công ty tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.
 - Từ 03/1997 - 04/1998: Chuyên viên phụ trách phòng Kỹ thuật- Dầu khí

- Từ 05/1998 - 01/2000: Phó phòng phụ trách phòng Kỹ thuật- Dầu khí
- Từ 02/2000 - 01/2007: Trưởng phòng Kỹ thuật- Dầu khí, nay là phòng kỹ thuật.
- Từ 02/2007 - nay: Phó tổng Giám đốc tổng công ty CP tái bảo hiểm QGVN.
- Số cổ phiếu thể nhân do cá nhân ông Lê Hoài Nam nắm giữ: 100.180 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

2.3. Ông Đặng Thế Vinh

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/5/1956
- Nơi sinh: Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: G401, 15 - 17 Ngọc Khánh, Giảng võ, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: 04. 3942 2365
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Đại học Tài chính
- Học vị: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 2/1981 - 4/1985: Công tác tại Vụ Công nghiệp B, Bộ Tài chính.
 - Từ 5/1985 - 9/1994: Công tác tại Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam
 - 10/1994 - 12/1996: Công tác tại Công ty tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam, giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc.
 - Từ 1/1997 - 10/1997: Công tác tại Công ty Bảo hiểm Bảo Minh, giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc
 - Từ 11/1997 - 9/2007: Công tác tại Công ty Bảo hiểm UIC, giữ chức vụ Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc
 - 1/2008 - 10/2008: Công tác tại Công ty Bảo hiểm PTI, giữ chức vụ Cố vấn Ban giám đốc
 - Từ 11/2008 - nay: Tổng công ty CP tái bảo hiểm QGVN, bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc từ 9/2009.
- Số cổ phiếu thể nhân do cá nhân ông Đặng Thế Vinh nắm giữ: 20 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

2.4. Ông Trần Phan Việt Hải: được cử tham gia HĐQT và BGD Công ty liên doanh TNHH Bảo hiểm Sam sung - Vina (SVI) theo quyết định số 02/2005/NQ-HĐQT ngày 15/1/2005 của HĐQT. Lương và các lợi ích khác của ông Hải do SVI quyết định.

3- Thay đổi Tổng giám đốc điều hành:

Ngày 6/5/2009, Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 05/QĐ/HĐQT/2009 bổ nhiệm ông Phạm Công Tứ - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc thứ nhất, giữ chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam thay ông Trịnh Quang Tuyến.

4- Quyền lợi của Ban Giám đốc: tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc:

- Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Ban Giám đốc thực hiện theo thang bảng lương quy định của Nhà nước và quy chế nội bộ của Tổng Công ty.

5- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

5.1. Tổng số cán bộ nhân viên tính đến 31/12/2009: 75 người

- Đóng BHXH
- Hưởng lương theo hiệu quả kinh doanh
- Các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Tổng công ty

6- Thay đổi thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng:

- Ngày 24/4/2009, Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ IV đã bầu ông Martin Zingg, đại diện cho cổ đông chiến lược Swiss Re, làm thành viên HĐQT thay thế cho ông Peter Gujer xin miễn nhiệm.
- Ngày 3/7/2009 ông Eduard Held, thành viên BKS đã có đơn xin miễn nhiệm và HĐQT đã đồng ý với đề xuất của Swiss Re về việc cử bà Adelyn Chen thay thế ông Eduard Held tại kỳ họp lần thứ 16, ngày 21/8/2009. Bà Adelyn Chen được Swiss Re đề cử để tham gia BKS tại ĐHDCĐ gần nhất.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

1.1 Thành phần HĐQT:

- Ông Trịnh Quang Tuyến - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (đến tháng 5/2009).
- Ông Trần Trọng Phúc - Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam - Phó Chủ tịch HĐQT.
- Ông Phạm Công Tứ - Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc thứ nhất. Được bổ nhiệm Tổng giám đốc từ 7/5/2009
- Ông Lê Song Lai - Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư & Kinh doanh vốn Nhà nước - Bộ Tài chính - Ủy viên HĐQT.
- Ông Martin Zingg - Giám đốc Bộ phận quản lý tài sản thuộc tập đoàn Swiss Re - Ủy viên HĐQT.
- Ông Trần Vĩnh Đức - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh - Ủy viên HĐQT.

Các thành viên HĐQT không điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty:

- Ông Lê Song Lai
- Ông Trần Trọng Phúc
- Ông Trần Vĩnh Đức

- Ông Martin Zingg

1.2 Thành phần BKS:

- Bà Trần Thị Minh - Phó Giám đốc Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện - Trưởng ban kiểm soát.
- Ông Phạm Quang Tùng - Tổng Giám đốc Công ty bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư - Ủy viên.
- Ông Trần Anh Tuấn - Trưởng phòng Đầu tư & chứng khoán Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex - Ủy viên.
- Ông Lê Quang Trung - Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Công ty bảo hiểm liên hiệp - Ủy viên.
- Ông Eduard Held - Giám đốc tài chính khu vực châu Á - Tập đoàn Swiss Re - Ủy viên.

1.3 Hoạt động của HĐQT:

Theo quy định, HĐQT tổ chức họp định kỳ 4 lần/năm. Trường hợp đột xuất có thể triệu tập họp bất thường theo quy định tại điều lệ Tổng Công ty.

1.4 Hoạt động của Ban kiểm soát:

BKS tổ chức họp tối thiểu 2 lần/năm. Trường hợp đột xuất có thể triệu tập họp bất thường theo quy định tại điều lệ Tổng Công ty.

1.5 Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát (chưa bao gồm lương của thành viên HĐQT chuyên trách theo quyết định của HĐQT)

- Thù lao HĐQT: 0,3% Lợi tức trước thuế
- Thù lao BKS: 0,15% Lợi tức trước thuế

1.6 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT (bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu và số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân):

Tính đến thời điểm 26/03/2010, ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ V.

TT	Thành viên HĐQT	Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 26/3/2010		Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 16/3/2009	
		Đại diện tổ chức	Cá nhân	Đại diện tổ chức	Cá nhân
1	Trịnh Quang Tuyền	20,36%	0,20%	20,36%	0,20%
2	Phạm Công Tứ	10,00%	0,21%	10,00%	0,21%
3	Lê Song Lai	10,00%	0,02%	10,00%	0,02%
4	Trần Trọng Phúc	8,57%	0,03%	8,57%	0,03%
5	Trần Vĩnh Đức	6,42%	0,02%	6,42%	0,02%
6	Martin Zingg	-	-	-	-

1.7 Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát: không có.

2- Các dữ liệu thống kê về cổ đông :

Tính đến thời điểm 26/03/2010, ngày chốt danh sách cổ đông dự họp đại hội đồng cổ đông thường niên lần V, cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty như sau:

TT	Loại cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ /VĐL
1	Cổ đông trong nước:	47.432.530	70,57%
a	Pháp nhân	43.749.605	65,09%
b	Thể nhân	3.682.925	5,48%
2	Cổ đông nước ngoài:	19.785.910	29,43%
a	- Pháp nhân	19.536.710	29,06%
b	- Thể nhân	249.200	0,37%
	Cộng	67.218.440	100%

3- Thông tin chi tiết về cổ đông chiến lược Swiss Re:

Swiss Re là cổ đông chiến lược nước ngoài nắm giữ 16.804.610 cổ phần (tương đương 25% vốn điều lệ của Tổng công ty).

Swiss Re là tập đoàn tái bảo hiểm hàng đầu và có hoạt động đa dạng nhất trên thế giới. Được thành lập tại Zurich, Thụy Sĩ từ năm 1863, Swiss Re cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính cho các doanh nghiệp. Bên cạnh các dịch vụ tái bảo hiểm truyền thống và các dịch vụ có liên quan trong bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm y tế, Swiss Re còn cung cấp các giải pháp tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ quản lý rủi ro toàn diện. Hiện tại, theo kết quả xếp hạng mới nhất, Swiss Re được xếp hạng “A” bởi A.M.Best và “A+” bởi Standard & Poor’s.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Công Tứ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2009

(Số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte VN)

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	12/31/2009	12/31/2008
I	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	2,145,385,152,139	1,895,644,003,711
1	Tài sản lưu động	1,166,487,036,790	961,831,564,061
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	978,898,115,349	933,812,439,650
II	Tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn	902,578,944,127	828,251,410,597
1	Tài sản cố định	48,912,641,147	50,938,809,742
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	847,666,302,980	775,047,490,812
3	Tài sản dài hạn khác	6,000,000,000	2,265,110,043
III	TỔNG TÀI SẢN	3,047,964,096,266	2,723,895,414,308
IV	Nợ phải trả	1,058,592,512,894	813,124,671,759
1	Nợ ngắn hạn	590,678,169,999	408,211,035,014
2	Dự phòng nghiệp vụ	456,828,037,217	402,219,667,339
3	Nợ khác	11,086,305,678	2,693,969,406
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	1,989,371,583,372	1,910,770,742,549
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	672,184,400,000	672,184,400,000
2	Các quỹ và thặng dư vốn cổ phần	1,317,187,183,372	1,238,586,342,549
VI	TỔNG NGUỒN VỐN	3,047,964,096,266	2,723,895,414,308

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2009	Năm 2008
1	Tổng doanh thu	697,186,267,218	647,054,801,562
	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh BH	472,616,287,013	412,093,567,883
	Doanh thu về đầu tư tài chính	211,000,955,213	223,669,363,281
	Doanh thu khác	13,569,024,992	11,291,870,398
2	Tổng chi phí	464,392,936,476	441,960,663,371
	Chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	428,575,850,402	389,548,594,595
	Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi đầu tư và chi HĐ tài chính	32,192,260,728	52,412,068,776
	Chi phí khác	3,624,825,346	0
3	Lợi nhuận trước thuế	232,793,330,742	205,094,138,191
4	Thuế thu nhập phải nộp	37,939,623,189	45,467,973,376
5	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-54,368,822	-75,214,532
6	Lợi nhuận sau thuế	194,799,338,731	159,550,950,283
7	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	2,898	2,352
8	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	1,800	1,800

Hà nội, ngày tháng năm 2010

TCT CP TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B03 - DNBH

Đơn vị : VND

STT	CHỈ TIÊU	M.SỐ	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1	Tiền thu từ kinh doanh nhận nhượng TBH	01	522,553,826,775	404,318,845,560
2	Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng TBH	02	(368,262,651,185)	(402,036,384,928)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(21,862,577,130)	(14,324,172,788)
4	Tiền chi nộp các loại thuế	05	(9,125,589,463)	(38,954,885,907)
5	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1,546,419,294	110,253,595,754
6	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5,069,251,648)	(50,163,104,936)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	119,780,176,643	9,093,892,755
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1	Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSản dài hạn khác	21	(1,295,292,224)	(470,892,507)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn	22		1,818,182
3	Tiền chi cho vay	23		
4	Tiền thu hồi cho vay	24	4,221,665,000	3,714,695,000
5	Tiền chi đầu tư tiền gửi ngắn hạn và dài hạn, chi khác	25	(1,284,452,729,434)	(2,131,193,319,350)
6	Tiền thu hồi đầu tư	26	1,176,471,002,603	1,200,749,497,717
7	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	220,771,279,226	108,532,956,264
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	115,715,925,171	(818,665,244,694)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ SH	31		1,260,345,750,000
2	Tiền chi cho phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của SH			(33,533,790,758)
2	Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4	Tiền chi lãi góp vốn cổ phần, thanh toán nhanh	34		
5	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(120,414,952,000)	(90,502,641,658)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(120,414,952,000)	1,136,309,317,584
IV. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ(20+30+40)				
		50	115,081,149,814	326,737,965,645
1	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	426,025,983,308	99,275,778,970
2	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	3,695,232,599	12,238,693
V. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ(50+60+61)				
		70	544,802,365,721	426,025,983,308

LẬP BẢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lập, ngày tháng năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

I. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. **Kỳ kế toán năm** : Bắt đầu từ ngày 01/01/ 2009 kết thúc vào ngày 31/12/2009.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**: đồng Việt Nam

II. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. **Chế độ kế toán áp dụng** : Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**:

Ban điều hành Tổng công ty đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các qui định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. **Hình thức kế toán áp dụng**: Chứng từ ghi sổ

III. Các chính sách kế toán áp dụng

1. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn dưới 3 tháng.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Tổng công ty áp dụng tỷ giá hạch toán trong năm là 16.800 VNĐ/USD. Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ khác trong năm ban đầu được qui đổi ra USD theo tỷ giá hạch toán và chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Khoản chênh lệch này được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Số dư tiền và các khoản phải thu phải trả khác không liên quan đến hạch toán doanh thu, chi phí trong kỳ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày 31/12/2009 là 17.941đ/USD. Khoản chênh lệch tỷ giá này không được ghi nhận vào kết quả kinh doanh mà được theo dõi trên tài khoản chênh lệch tỷ giá.

2. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán , dự phòng trợ cấp thôi việc.**

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2006/TT- BTC về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng. Theo đó, Tổng công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa theo qui định tại thông tư số 13/2006-BTC, tuy nhiên do đặc thù của ngành kinh doanh bảo hiểm, công nợ thường được thanh toán định kỳ theo quý hoặc nửa năm, hình thức thanh toán chủ yếu là hình thức đối trừ, Tổng công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ trên số chênh lệch dương giữa công nợ phải thu và công nợ phải trả theo từng khách hàng, cụ thể như sau:

- Đối với khoản chênh lệch dương từ năm 2006 trở về trước. Trích lập dự phòng 100% phần chênh lệch;
- Đối với khoản chênh lệch dương của năm 2007. Trích lập dự phòng 70% phần chênh lệch.
- Đối với khoản chênh lệch dương của năm 2008. Trích lập dự phòng 30% phần chênh lệch.

Dự phòng trợ cấp thôi việc trích lập dựa trên qui định tại thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2003.

3. **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ.**

TSCĐ Hữu hình:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình : TSCĐ hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng
- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình : Được trích khấu hao theo nguyên tắc đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	4
Tài sản khác	4 - 5

TSCĐ Vô hình:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình: TSCĐ vô hình là chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá trị sổ sách khi cổ phần hoá doanh nghiệp
- Phương pháp khấu hao: Khoản chênh lệch này được trích khấu hao trong 20 năm.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Góp vốn liên doanh : là khoản góp vốn vào Công ty Bảo hiểm Samsung Vina với số tiền gốc lần đầu là 2.500.000 đô la Mỹ (tương đương với 38.420.000.000 đồng) và lần thứ hai là 55.813.499.999 đồng, chiếm 50% giá trị của Công ty liên doanh mà trong đó Tổng công ty là một bên liên doanh. Tổng công ty vẫn trình bày khoản góp vốn liên doanh này theo phương pháp giá gốc do tại thời điểm lập báo cáo quyết toán Tổng công ty chưa nhận được báo cáo kiểm toán năm 2009 của công ty liên doanh bảo hiểm Samsung Vina.

Đầu tư vào công ty con: Theo nghị quyết số 22/NQ-HĐQT/2008 ngày 05/12/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty phê duyệt đề án thành lập công ty Cổ phần Đầu tư VINARE (Vina- Invest) với Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập là 100 tỷ VND; trong đó Tổng công ty góp theo tỷ lệ 60%, tương đương 60 tỷ VND. Trong năm 2009, Tổng công ty đã góp vào công ty Cổ phần Đầu tư Vinare với vốn góp lần đầu là 18.000.000.000 đồng, khoản vốn góp này được ghi nhận theo giá gốc và trình bày trên khoản mục đầu tư vào công ty con trên Bảng cân đối kế toán. Công ty Vina- Invest chính thức đi vào hoạt động ngày 01/10/2009; theo công văn số 05/VNR-Invest/2009 ngày 25/11/2009 của công ty Vina-Invest thông báo đã đăng ký với Cục thuế TP Hà Nội về việc áp dụng kỳ kế toán đầu tiên từ ngày 01/10/2009 đến 31/12/2010 (15 tháng), do đó, trong năm 2009 Tổng công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất cho khoản góp vốn này.

Các khoản đầu tư chứng khoán: được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản chứng khoán đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

5. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả bao gồm các khoản dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được qui định tại thông tư 156/2007/TT-BTC ban hành ngày 20/12/2007 của Bộ Tài chính.

Phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được phê duyệt tại văn bản số 5910/BTC-BH ngày 21/05/2008 của Bộ Tài chính, cụ thể:

* *Dự phòng phí:* Đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hoá được tính bằng 25% phí giữ lại trong năm tài chính và bằng 50% phí giữ lại đối với các loại hình bảo hiểm khác;

* *Dự phòng bồi thường :*

- Đối với dự phòng tổn thất đã thông báo hoặc đã yêu cầu bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa giải quyết, Tổng công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ;
- Đối với dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR), tùy theo đặc điểm từng loại hình nghiệp vụ, Tổng công ty sử dụng các cách tính khác nhau.

* *Dự phòng tổn thất lớn:* Trích bằng 3% tổng phí giữ lại trong năm tài chính cho đến khi bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Là vốn góp của các cổ đông

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành và mệnh giá xác định sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn và được ghi nhận vào chỉ tiêu vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : Là lợi nhuận còn lại từ hoạt động kinh doanh sau khi đã trích lập vào các quỹ và chia cổ tức. Phần lợi nhuận từ việc đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ lũy kế đến ngày 31/12/2008 không được dùng để chia cho các cổ đông và được ghi nhận riêng vào khoản mục “ Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá ” trên bảng Cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động kinh doanh nhận, nhượng Tái bảo hiểm được ghi nhận khi bán thanh toán của khách hàng được xác nhận;

Thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu được ghi nhận khi có thông báo chia lãi của công ty nhận đầu tư;

Thu nhập từ lãi công trái, lãi trái phiếu ngân hàng, lãi trái phiếu Chính phủ, lãi cho vay được ghi nhận khi phát sinh;

Thu nhập từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận khi phát sinh.

8 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế:

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty dựa trên các qui định hiện hành về thuế. Theo qui định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ, Tổng công ty được giảm, gia hạn nộp thuế TNDN của năm 2009. Số thuế TNDN được giảm là 30 % số thuế TNDN phải nộp, thời gian được gia hạn là 9 tháng kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế theo qui định của Luật quản lý thuế.

Thuế nhà thầu đối với phí TBH ra nước ngoài: Theo qui định tại thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ thuế đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam; phí tái bảo hiểm ra nước ngoài thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu (thuế thu nhập doanh nghiệp), tỷ lệ 2%. Các doanh nghiệp bảo hiểm đang tiến hành làm việc với Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế để làm rõ một số vướng mắc trong việc thực hiện hướng dẫn tại thông tư 134/2008/TT-BTC và vấn đề thực thi các hiệp định thuế. Hiện nay đang chờ quyết định cuối cùng của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế. Tuy nhiên để đảm bảo tính thận trọng , Tổng công ty đã thực hiện trích lập dự phòng thuế nhà thầu phải trả cho số phí chuyển nhượng ra nước ngoài năm 2009 là: 7,533,708,665 đồng

Việc xác định thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm tài chính hiện tại căn cứ qui định tại chuẩn mực số 17- Chuẩn mực thuế TNDN ban hành kèm theo QĐ số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 về việc ban hành và công bố các chuẩn mực kế toán Việt nam. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại trong năm được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế phát sinh trong năm (Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc) và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

IV. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm 2009:

- 1/ Bảng cân đối kế toán, Báo cáo lãi lỗ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (đính kèm)
- 2/ Các chỉ tiêu tài chính khác

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2009	31/12/2008
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/ Tổng tài sản	%	29.61	30.41
- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	70.39	69.59
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	34.73	29.85
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	65.27	70.15
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2.88	3.35
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	3.63	4.65
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	2.58	3.33
2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần		
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	33.39	31.71
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	27.94	24.68
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	7.64	7.53
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6.39	5.86
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	9.79	8.37

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày tháng năm 2010

Tổng giám đốc